

Số: **28** /UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày **04** tháng 01 năm 2019

V/v xin ý kiến thỏa thuận về
hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và
dự toán xây dựng các công trình
Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước
Phước Hòa, Hồ Lùng, Ao Gió,
huyện Bình Sơn và hồ chứa nước
Hồ Tạc, huyện Tư Nghĩa

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4023/SNNPTNT ngày 27/12/2018, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, có ý kiến thỏa thuận về hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng các công trình Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Phước Hòa, Hồ Lùng, Ao Gió, huyện Bình Sơn và hồ chứa nước Hồ Tạc, huyện Tư Nghĩa, với các nội dung chính như sau:

I. Cơ sở pháp lý

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Quyết định số 1207/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018 cho các địa phương để xử lý cấp bách các công trình hồ chứa bị hư hỏng do ảnh hưởng bão, lũ năm 2017 và các hồ có nguy cơ mất an toàn cao trong mùa mưa, lũ năm 2018;
- Công văn số 6952/BKHĐT-KTNN ngày 02/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo danh mục và mức vốn thực hiện xử lý cấp bách đảm bảo an toàn các công trình hồ chứa thủy lợi;
- Công văn số 8048/BNN-TCTL ngày 15/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc xử lý cấp bách các hồ chứa nước bị hư hỏng do ảnh hưởng

của bão, lũ năm 2017 và các hồ có nguy cơ mất an toàn trong mùa mưa lũ năm 2018;

- Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018;

- Các Quyết định số: 2312/QĐ-UBND, số 2313/QĐ-UBND, số 2314/QĐ-UBND và số 2315/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các dự án: Hồ chứa nước Hồ Lùng, huyện Bình Sơn; Hồ chứa nước Ao Gió, huyện Bình Sơn; Hồ chứa nước Hồ Tạc, huyện Tư Nghĩa và Hồ chứa nước Phước Hòa, huyện Bình Sơn.

II. Thông tin chung về các Dự án

1. Tên các dự án

- Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Phước Hòa, huyện Bình Sơn.
- Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Ao Gió, huyện Bình Sơn.
- Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Hồ Lùng, huyện Bình Sơn.
- Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Hồ Tạc, huyện Tư Nghĩa.

2. Nhóm dự án: Nhóm C.

3. Loại và cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp công trình:

+ Hồ chứa nước Hồ Lùng và Hồ chứa nước Phước Hòa, huyện Bình Sơn: Cấp III.

+ Hồ chứa nước Ao Gió, huyện Bình Sơn và Hồ chứa nước Hồ Tạc, huyện Tư Nghĩa: Cấp IV.

4. Địa điểm xây dựng: Các huyện: Bình Sơn và Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Cấp thẩm quyền quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ngãi.

6. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi.

7. Cơ quan được giao thực hiện: Ban Quản lý dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi.

8. Quy mô các dự án

- Sửa chữa, nâng cấp đập đất, tràn xả lũ, xây mới công lấy nước của 02 Hồ chứa nước Ao Gió và Hồ Lùng, huyện Bình Sơn.

- Sửa chữa, nâng cấp đập đất, tràn xả lũ, đường thi công kết hợp quản lý và xây mới công lấy nước của 02 Hồ chứa nước Phước Hòa, huyện Bình Sơn và Hồ chứa nước Hồ Tạc, huyện Tư Nghĩa.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

T T	Các hạng mục chi phí	GIÁ TRỊ (Đồng)			
		HCN Ao Gió	HCN Hố Tạc	HCN Hố Lùng	HCN Phước Hòa
1	Chi phí bồi thường, GPMB	800.000.000	1.200.000.000	866.248.728	665.929.000
2	Chi phí xây dựng	8.076.462.102	10.052.072.956	7.955.967.443	6.425.471.210
3	Chi quản lý dự án	228.196.766	284.016.752	224.792.244	181.548.768
4	Chi phí tư vấn đầu tư XD	1.060.329.179	1.206.585.956	1.196.733.555	859.553.358
5	Chi phí khác	510.940.323	632.453.664	619.587.923	479.820.667
6	Dự phòng chi	324.071.630	624.870.672	136.671.000	387.676.996
7	Tổng dự toán	11.000.000.000	14.000.000.000	11.000.000.000	9.000.000.000

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh;
cụ thể:

Dự án	GIÁ TRỊ (Đồng)		
	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng
Hồ chứa nước Ao Gió	6.000.000.000	5.000.000.000	11.000.000.000
HCN Hố Tạc	6.000.000.000	8.000.000.000	14.000.000.000
HCN Hố Lùng	5.000.000.000	6.000.000.000	11.000.000.000
HCN Phước Hòa	7.000.000.000	2.000.000.000	9.000.000.000

11. Thời gian thực hiện: Năm 2018-2019.

12. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công
trình:

- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Xây dựng Liên Việt: Sửa chữa, nâng
cấp Hồ chứa nước Ao Gió, huyện Bình Sơn và Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa
nước Hố Tạc, huyện Tư Nghĩa.

- Công ty Cổ phần Tư vấn phát triển đầu tư và xây dựng Quảng Ngãi:
Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Hố Lùng, huyện Bình Sơn.

- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi: Sửa chữa,
nâng cấp Hồ chứa nước Phước Hòa, huyện Bình Sơn.

13. Các thông tin khác:

a) Hình thức đầu tư: Sửa chữa và nâng cấp.

b) Mục tiêu của dự án:

- Đảm bảo an toàn hồ chứa, giảm thiểu nguy cơ vỡ đập, bảo vệ người và tài sản ở hạ lưu công trình trong mùa mưa, lũ.

- Đảm bảo cung cấp nước tưới cho đất sản xuất nông nghiệp: Hồ chứa nước Ao Gió (50,0ha); Hồ chứa nước Hồ Tạc (40,0ha); Hồ chứa nước Hồ Lũng (25,5ha) và Hồ chứa nước Phước Hòa (17,0ha).

c) Thông số kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu:

c1) Thông số kỹ thuật chủ yếu: *Có phụ lục kèm theo.*

c2) Giải pháp thiết kế:

c2.1) Đập đất:

- Thân đập: Đào chân khay thượng lưu đến lớp đất có hệ số thấm bé và đắp chân khay, đắp áp trúc mái thượng lưu bằng đất để chống thấm; đắp đất nâng cao đỉnh đập đến cao trình thiết kế.

- Đỉnh đập: Đỉnh đập rộng 5,0m, kết cấu đỉnh đập bằng bê tông M250.

- Mái thượng lưu: Gia cố bằng bê tông cốt thép M250 đổ tại chỗ dày 12 cm, chia tấm (b×h):(200×200)cm, dưới tấm bê tông là bạt nhựa và tầng lọc bằng đá dăm (1×2)cm và lớp dưới cùng là vải địa kỹ thuật.

- Mái hạ lưu: Gia cố bằng trồng cỏ, thoát nước mái hạ lưu bằng các rãnh bê tông M200.

- Tiêu nước chân mái hạ lưu: Bằng đồng đá tiêu nước kiểu lăng trụ, lớp đệm dưới đồng đá tiêu nước là lớp đá dăm (1×2)cm và lớp cát lọc, kết hợp thoát nước ngang.

- Hệ thống quan trắc: Bố trí hệ thống quan trắc thấm.

c2.2) Tràn xả lũ:

- Hình thức: Tràn tự do, ngưỡng đỉnh rộng, nối tiếp là dốc nước, hình thức tiêu năng đáy bằng bề tiêu năng hạ lưu.

- Cao trình ngưỡng tràn bằng cao trình mực nước dâng bình thường.

- Kết cấu tràn: Bằng bê tông và bê tông cốt thép M250 và M300.

c2.3) Công lấy nước:

- Hình thức: Công tròn chảy có áp, van đóng mở hạ lưu.

- Kết cấu công bằng ống thép có đường kính Ø300mm với chiều dày thành ống là 4mm và 5mm; bọc ngoài bằng bê tông cốt thép M300; đóng mở bằng van hạ lưu.

c2.4) Đường thi công kết hợp quản lý:

- Nền đường rộng 5,0m đầm chặt $K \geq 0.95$, mặt đường rộng 3,5m, lề đường $b = 0,75m$, có rãnh tiêu nước dọc.

- Kết cấu mặt đường: Kết cấu bằng bê tông M250 dày 16cm, đệm cấp phối đá dăm. Riêng Hồ chứa nước Ao Gió và Hồ Lùng, huyện Bình Sơn chỉ san gạt mở rộng mặt đường hiện trạng với chiều rộng 5,0m.

III. Danh mục hồ sơ gửi kèm theo

1. Hồ sơ khảo sát

- 04 tập Báo cáo khảo sát địa hình của 04 hồ.
- 04 tập Báo cáo khảo sát địa chất của 04 hồ.

2. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình

- 04 tập Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công của 04 hồ.
- 04 tập Bản vẽ thiết kế bản vẽ thi công của 04 hồ.
- 04 tập Báo cáo chỉ dẫn kỹ thuật thi công của 04 hồ.
- 04 tập Diễn toán khối lượng của 04 hồ.
- 04 tập Báo cáo chuyên đề của 04 hồ.

3. Hồ sơ dự toán: 04 tập dự toán xây dựng công trình của 04 hồ chứa nước.

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm giải quyết để tỉnh Quảng Ngãi có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thủy lợi;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: PCVP(NL), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NNTNak1140



Trần Ngọc Căng



Phụ lục:

Quy mô và Thông số kỹ thuật công trình

(Kèm theo Thông số Hồ chứa /UBND-NNTN ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	THÔNG SỐ HỒ CHỨA	Đơn vị	GIÁ TRỊ			
			Hồ Lùng	Ao Gió	Hồ Tạc	Phước Hòa
A	HỒ CHỨA					
1	Nhiệm vụ	ha	25,5	50,0	40,0	17,0
2	Diện tích lưu vực	km ²	0,77	0,7	0,7	0,17
3	Mực nước chết	m	24,47	15,0	25,2	42,0
4	Mực nước dâng bình thường	m	29,65	18,4	28,5	50,2
5	Mực nước lớn nhất thiết kế P=2,0% (Hồ Lùng, Phước Hòa P=1,5%)	m	30,59	19,41	29,47	50,8
6	Mực nước lũ kiểm tra QCVN P=1,0% (Hồ Lùng, Phước Hòa P=0,5%)	m	30,75	-	-	50,9
7	Dung tích chết	10 ³ m ³	15,78	50,0	11,33	1,84
8	Dung tích hồ	10 ³ m ³	175,23	300,0	159,61	89,01
9	Dung tích hữu ích	10 ³ m ³	159,46	250,0	148,28	87,17
B	ĐẬP ĐẤT					

1	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	m	31,50	-	-	-
2	Cao trình đỉnh đập phần đất	m	30,80	20,20	30,2	51,8
3	Tổng chiều dài đập theo đỉnh		253,00	353,0	430,0	70,16
4	Bề rộng mặt đập	m	5,0	5,0	5,0	5,0
5	Kết cấu thân đập		Đập nhiều khối	Đập nhiều khối	Đập nhiều khối	Đập nhiều khối
6	Chiều cao đập đất lớn nhất	m	10,40	7,2	6,5	14,8
7	Hệ số mái thượng lưu		3,0	2,75	2,5	3,0; 2,75
8	Hệ số mái hạ lưu		2,5	2,25	2,25	2,75; 2,5
9	Gia cố mái đập thượng lưu		BTCT M250 đổ tại chỗ	BTCT M250 đổ tại chỗ	BTCT M250 đổ tại chỗ	BTCT M250 đổ tại chỗ
10	Gia cố mái hạ lưu		Trồng cỏ	Trồng cỏ	Trồng cỏ	Trồng cỏ
11	Tiêu nước hạ lưu		Đóng đá tiêu nước	Đóng đá tiêu nước	Đóng đá tiêu nước	Đóng đá tiêu nước
C	TRẦN XÃ LŨ					

1	Hình thức tràn		Tràn tự do	Tràn tự do	Tràn tự do	Tràn tự do
2	Kiểu ngưỡng		Thực dụng	Thực dụng	Thực dụng	Thực dụng
3	Cao trình ngưỡng tràn	m	29,65	18,4	28,5	50,2
4	Chiều rộng ngưỡng tràn	m	15,0	9,8	7,5	8,0
5	Cột nước thiết kế trên tràn	m	0,94	0,91	0,97	0,6
6	Lưu lượng thiết kế tràn	m ³ /s	22,51	10,46	11,70	5,8
7	Hình thức tiêu năng		Tiêu năng đáy	Tiêu năng đáy	Tiêu năng đáy	Tiêu năng đáy
8	Chiều dài tràn kiên cố	m	54,50	-	-	60,75
D	CÔNG LẤY NƯỚC					
1	Lưu lượng thiết kế công	m ³ /s	0,044	0,16	0,058	0,0117
2	Hình thức công		Công tròn	Công tròn	Công tròn	Công tròn
3	Chế độ thủy lực công		Chảy có áp	Chảy có áp	Chảy có áp	Chảy có áp
4	Chiều dài công	m	52,0	34,0	31,0	76,0
5	Đường kính công	mm	300	300	300	300

6	Hình thức đóng mở cống	-	Van hạ lưu	Van hạ lưu	Van hạ lưu	Van hạ lưu
E	ĐƯỜNG THI CÔNG KẾT HỢP QUẢN LÝ					
1	Chiều dài	m		-	370,0	868,0
2	Bề rộng mặt đường	m		-	3,5	3,5
3	Kết cấu	-		-	Bê tông M250	Bê tông M250